

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: 15, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2015**



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27





**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị:**

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên

**Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

## International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>nd</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 06.08/2015/BCSX-IFC

### BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 08 năm 2015, từ trang 9 đến trang 27.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về Công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán đối với công ty quản lý quỹ, chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Nam Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2013-072-1  
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

**Nguyễn Huy Hùng**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2013-072-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu B01 - CTQ  
 Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.730.312.135</b>	<b>14.691.188.905</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>369.019.693</b>	<b>11.872.225.864</b>
1. Tiền	111		369.019.693	437.876.154
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.434.349.710
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>12.363.986.063</b>	<b>2.164.570.517</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.377.369.409	3.164.686.703
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.013.383.346)	(1.000.116.186)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>585.571.705</b>	<b>232.655.621</b>
1. Trả trước cho người bán	132		195.437.058	1.797.045
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	44.093.092	42.724.551
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	346.041.555	188.134.025
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>411.734.674</b>	<b>421.736.903</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		94.092.092	90.312.321
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	315.092.582	315.092.582
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.550.000	16.332.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>160.264.930</b>	<b>35.044.166</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>(14.183.619.830)</b>	<b>(14.183.619.830)</b>
1. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(14.183.619.830)	(14.183.619.830)
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.035.332</b>	<b>35.044.166</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	28.035.332	35.044.166
- Nguyên giá	222		78.681.200	78.681.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.645.868)	(43.637.034)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.000.000)	(99.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.315.849.428</b>	<b>14.183.619.830</b>
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.7	14.315.849.428	14.183.619.830
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>13.890.577.065</b>	<b>14.726.233.071</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B01 - CTQ  
 Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>181.554.611</b>	<b>371.085.978</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>150.294.992</b>	<b>339.826.359</b>
1. Phải trả người bán	312		200.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	57.541.601	126.682.450
3. Chi phí phải trả	316	V.9	24.320.004	50.090.002
4. Các khoản phải trả khác	319		26.710.176	24.050.762
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		10.194.294	10.194.294
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		31.328.917	128.808.851
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.259.619</b>	<b>31.259.619</b>
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	337	V.10	31.259.619	31.259.619
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.709.022.454</b>	<b>14.355.147.093</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>13.709.022.454</b>	<b>14.355.147.093</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(11.290.977.546)	(10.644.852.907)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>13.890.577.065</b>	<b>14.726.233.071</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		601.040.000	793.040.000
- Chứng khoán giao dịch	008		601.040.000	793.040.000
2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		8.805.750.609	792.220.294
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		8.805.750.609	792.220.294
3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.11	18.859.968.556	25.055.653.944
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		18.859.968.556	25.055.653.944
4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.12	2.314.874.250	2.202.477.184
5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	246.438.852	40.128.443



Nguyễn Đức Tài  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thế Hưng  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng  
 Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B02 - CTQ  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu	01	VI.1	98.572.434	820.127.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		98.572.434	820.127.749
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2	435.717.765	786.158.462
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(337.145.331)	33.969.287
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	399.785.455	410.296.828
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	201.067.160	(18.305.000)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		507.703.024	729.216.853
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(646.130.060)	(266.645.738)
10. Thu nhập khác	31		5.421	94.457.159
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		5.421	94.457.159
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(646.124.639)	(172.188.579)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(646.124.639)	(172.188.579)
17. Lợi trên cổ phiếu	70	VI.5	(258)	(69)



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thế Hưng  
Kế toán trưởng

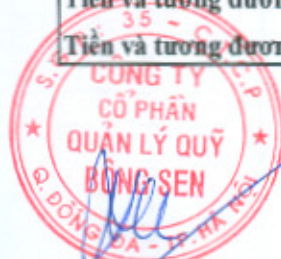
Nguyễn Thế Hưng  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B03 - CTQ  
Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	267.950.575	110.819.788
2. Tiền chi trả cho người lao động	03	(566.975.617)	(843.494.626)
3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	735.443.201	119.885.121.792
4. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(11.939.624.330)	(119.540.029.016)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(11.503.206.171)</b>	<b>(387.582.062)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(300.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.998.416.699
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>1.698.416.699</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.503.206.171)	1.310.834.637
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.872.225.864	698.573.086
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	369.019.693	2.009.407.723



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thế Hưng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng  
Người lập



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU B05 - CTQ  
Đơn vị: VND

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	01/01/2014	01/01/2015	2014		2015		31/12/2014	30/06/2015
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	1.407.360.999	(10.644.852.907)		12.052.213.906	-	646.124.639	(10.644.852.907)	(11.290.977.546)
<b>Cộng</b>	<b>26.407.360.999</b>	<b>14.355.147.093</b>	<b>-</b>	<b>12.052.213.906</b>	<b>-</b>	<b>646.124.639</b>	<b>14.355.147.093</b>	<b>13.709.022.454</b>



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thế Hưng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bông Sen theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 03 năm 2009, giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 01 năm 2012 và giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 06 năm 2015.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 11 người. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 12 người).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ :6 người

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Áp dụng Chuẩn mực**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.



#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### *Ghi nhận ban đầu*

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

###### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

###### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.



#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

##### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

##### **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

##### **Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	19.590.197	3.137.311
Tiền gửi ngân hàng	349.429.496	695.435.775
Các khoản tương đương tiền	-	11.173.652.778
<b>Cộng</b>	<b>369.019.693</b>	<b>11.872.225.864</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Tiền gửi có kỳ hạn		11.843.900.986		1.791.250.000
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		1.533.468.423		1.373.436.703
Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá				
<i>FLC</i>	21.600	185.760.000	-	-
<i>PAC</i>	2	53.000	2	45.200
<i>SHI</i>	2	23.800	2	15.000
<i>TTF</i>	4	45.200	4	42.000
<i>Saraecom</i>	50.000	-	50.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.013.383.346)		(1.000.116.186)
<b>Cộng</b>		<b>12.363.986.063</b>		<b>2.164.570.517</b>

**3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	44.093.092	42.724.551
<b>Cộng</b>	<b>44.093.092</b>	<b>42.724.551</b>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khác	346.041.555	188.134.025
<b>Cộng</b>	<b>346.041.555</b>	<b>188.134.025</b>



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	315.092.582	315.092.582
	<b>315.092.582</b>	<b>315.092.582</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2015	78.681.200	78.681.200
Tại 30/06/2015	<b>78.681.200</b>	<b>78.681.200</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại 01/01/2015	43.637.034	43.637.034
Khấu hao trong kỳ	7.008.834	7.008.834
Tại 30/06/2015	<b>50.645.868</b>	<b>50.645.868</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2015	35.044.166	35.044.166
Tại 30/06/2015	<b>28.035.332</b>	<b>28.035.332</b>

**7. Tài sản dài hạn khác**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	14.315.849.428	14.183.619.830
Cộng	<b>14.315.849.428</b>	<b>14.183.619.830</b>

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	51.768.864	27.758.612
Các loại thuế khác	5.772.737	98.923.838
Cộng	<b>57.541.601</b>	<b>126.682.450</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phí kiểm toán	23.500.000	47.000.000
Khác	820.004	3.090.002
<b>Cộng</b>	<b><u>24.320.004</u></b>	<b><u>50.090.002</u></b>

**10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	31.259.619	28.498.997
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	-	2.760.622
Số dư cuối kỳ	31.259.619	31.259.619



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>11.603.056.556</b>	<b>17.483.621.944</b>
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
ABT	81.000.000	81.000.000
C32	208.750.000	819.955.420
CTG	-	526.422.300
CTD	-	373.500.000
CSM	59.932.400	-
DPM	1.569.624.920	1.415.624.920
DXP	-	441.560.000
FLC	441.328.960	-
GAS	795.585.800	724.000.000
HAG	783.939.600	783.939.600
HPG	-	276.000.000
MAS	-	90.108.000
MCP	73.000	-
PVD	1.175.369.467	1.163.104.000
PTB	-	450.164.921
SDT	264.782.560	503.360.000
SSI	-	898.981.200
TRA	-	453.000
VSC	202.003.200	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.256.912.000	7.572.032.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Cộng	<b>18.859.968.556</b>	<b>25.055.653.944</b>
Tổng cộng	<b>18.859.968.556</b>	<b>25.055.653.944</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về giao dịch chứng khoán	2.237.248.333	2.173.497.184
Phải thu phí quản lý	31.328.917	-
Phải thu cổ tức	46.297.000	28.980.000
<b>Cộng</b>	<b>2.314.874.250</b>	<b>2.202.477.184</b>

**13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả về giao dịch chứng khoán	202.003.200	-
Phải trả thuế	13.447.744	9.340.535
Phải trả phí quản lý	30.787.908	30.787.908
Phải trả phí lưu ký	200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>246.438.852</b>	<b>40.128.443</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ ( Mã số 01)**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	98.572.434	130.127.749
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	690.000.000
<b>Cộng</b>	<b>98.572.434</b>	<b>820.127.749</b>

**2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán (Mã số 02)**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	-	78.615.846
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	435.717.765	393.079.231
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	314.463.385
<b>Cộng</b>	<b>435.717.765</b>	<b>786.158.462</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số 21)**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi	394.782.455	409.756.728
Cổ tức lợi nhuận được chia	5.003.000	540.100
<b>Cộng</b>	<b>399.785.455</b>	<b>410.296.828</b>

**4. Chi phí tài chính ( Mã số 22)**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	187.800.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính chính	13.267.160	24.217.800
	-	(42.522.800)
<b>Cộng</b>	<b>201.067.160</b>	<b>(18.305.000)</b>



*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(646.124.639)	(172.188.579)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân phối cho các cổ đông	(646.124.639)	(172.188.579)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(258)</b>	<b>(69)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015)**

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	-	44.093.092	-	-	44.093.092
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	13.846.483.973
Tổng tài sản hợp nhất	-	44.093.092	-	-	13.890.577.065
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	-	178.610.935	-	-	178.610.935
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	2.943.676
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	178.610.935	-	-	181.554.611



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2015 đến 30/06/2015)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	98.572.434	-	-	98.572.434
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	-	98.572.434	-	-	98.572.434
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	943.420.789	-	-	943.420.789
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	(844.848.355)	-	-	(844.848.355)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(844.848.355)	-	-	(844.848.355)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					399.785.455
Lãi khác					5.421
Chi phí tài chính					201.067.160
Lỗ trước thuế					(646.124.639)
Chi phí thuế TNDN					-
<b>Lỗ trong kỳ</b>					<b>(646.124.639)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**  
 Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,  
 quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ hoạt động  
 từ 01/01/2015 đến 30/06/2015  
**MẪU B09 - CTQ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Bảng cân đối kế toán (Tại ngày ngày 01 tháng 01 năm 2015)**

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	-	42.724.551	-	-	42.724.551
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	14.683.508.520
Tổng tài sản hợp nhất	-	42.724.551	-	-	14.726.233.071
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	-	160.068.470	-	-	160.068.470
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	211.017.508
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	160.068.470	-	-	371.085.978



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2014 đến 30/06/2014)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	130.127.749	690.000.000	-	820.127.749
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	-	130.127.749	690.000.000	-	820.127.749
Khấu hao và chi phí phân bổ	151.537.532	757.687.657	606.150.126	-	1.515.375.315
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	(151.537.532)	(627.559.908)	83.849.874	-	(695.247.566)
Chi phí không phân bổ					(695.247.566)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(151.537.532)	(627.559.908)	83.849.874	-	410.296.828
Doanh thu từ các khoản đầu tư					94.457.159
Lãi khác					(18.305.000)
Chi phí tài chính					(172.188.579)
Lợi nhuận trước thuế					-
Chi phí thuế TNDN					(172.188.579)
<b>Lãi trong kỳ</b>					



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

**2. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	369.019.693	11.872.225.864
Phải thu khách hàng và phải thu khác	346.041.555	188.134.025
Đầu tư ngắn hạn	12.363.986.063	2.164.570.517
<b>Cộng</b>	<b>13.079.047.311</b>	<b>14.224.930.406</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	26.910.176	24.050.762
Chi phí phải trả	24.320.004	50.090.002
<b>Cộng</b>	<b>51.230.180</b>	<b>74.140.764</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Chi phí phải trả	24.320.004	-	24.320.004
Các khoản vay	-	-	-
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Chi phí phải trả	50.090.002	-	50.090.002
Các khoản vay	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	369.019.693	-	369.019.693
Phải thu khách hàng và phải thu khác	346.041.555	-	346.041.555
Đầu tư tài chính	12.363.986.063	-	12.363.986.063
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.872.225.864	-	11.872.225.864
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.134.025	-	188.134.025
Đầu tư tài chính	2.164.570.517	-	2.164.570.517



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của Ban giám đốc của Công ty được hưởng trong kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 như sau:

Ban giám đốc	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2015 đến	Từ 01/01/2014 đến
			30/06/2015	30/06/2014
			VND	VND
Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc	Tiền lương	150.000.000	150.000.000
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc	Tiền lương	52.800.000	52.800.000

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 đã được soát xét.



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thế Hưng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng  
Người lập